

HẠN CHẾ NHẬP SIÊU GÓP PHẦN KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

PGS.,TS. Vũ Thị Bạch Tuyết

Tình trạng nhập siêu cao cũng là một tác nhân góp phần gây lạm phát và làm mất cân đối kinh tế vĩ mô. Đã có nhiều nhà khoa học phân tích nguyên nhân nhập siêu gia tăng nhanh chóng từ khi Việt Nam là thành viên của WTO, trên cơ sở đó, bài viết sẽ đề cập đến mối quan hệ giữa nhập siêu và lạm phát, đưa ra những biện pháp cần thiết hạn chế nhập siêu trong thời gian tới nhằm thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát đã được xác định là mục tiêu cấp bách hiện nay.

Đây mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, giảm nhập siêu là 1 trong 8 nhóm giải pháp được xác định trong Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ “Về các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững”. Với tinh thần tích cực triển khai 8 nhóm giải pháp, từ tháng 5/2008 đến nay, mức lạm phát có giảm, mức nhập siêu cũng giảm và mức tăng trưởng cũng giảm. Có ý kiến cho rằng các biện pháp thực hiện đã có hiệu quả; nhưng cũng có ý kiến thận trọng hơn, cho rằng cần có thêm thời gian để khẳng định; ngay cả khi đã kiềm chế được lạm

phát thì chắc chắn sẽ phát sinh hậu quả tăng trưởng suy giảm, vấn đề gánh nặng trả nợ vay ngân hàng đối với các doanh nghiệp, kéo theo vấn đề việc làm và thu nhập giảm sút đối với người lao động.... Vì vậy, khi thực hiện 8 nhóm giải pháp, cần tính đến những tác động ngắn hạn và dài hạn, hướng tới hạn chế tối đa những hậu quả nặng nề từ những mặt trái của chính sách khi được duy trì quá thời gian cần thiết.

Về lý thuyết, nhập siêu tác động đến lạm phát theo hai hướng: Hướng thứ nhất, nếu nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu, hàng tiêu dùng thiết yếu do sản xuất trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chi phí và giá thành cao hơn so với nhập khẩu thì không làm gia tăng lạm phát; Hướng thứ hai, nếu nền kinh tế lại phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, trong khi đó không kiểm soát nhập khẩu tốt, cùng với việc lạm phát trên thị trường thế giới tăng cao trong khi tỷ giá hối đoái trong nước không giảm thì lạm phát trong nước sẽ tăng cao. Nếu có chính sách nhập khẩu đúng thì sẽ mang lại lợi ích lớn cho nền kinh tế và không tác động xấu đến lạm phát, chỉ nên kiểm soát nhập khẩu theo hướng

đó, mà không nên hạn chế nhập khẩu bằng mọi giá.

Về thực tiễn, Nhập siêu là vấn đề không lạ đối với các nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng cao, như: Hàn Quốc trong thời kỳ công nghiệp hóa luôn nhập siêu, nhưng nhập khẩu của họ đã có tác động tích cực tới quá trình công nghiệp hóa, làm chuyển biến nhanh chóng kinh tế, đến tháng 12/1996 Hàn Quốc đã là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Nhập siêu của Việt Nam thời gian qua chưa có tác động tích cực tới quá trình công nghiệp hóa, bằng chứng là 21 năm thực hiện công nghiệp hóa (1987 – 2008) theo mô hình “hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu ở những khâu có hiệu quả” đã có nhiều mâu thuẫn dẫn tới bất hợp lý trong cơ cấu xuất nhập khẩu, tình hình công nghệ và trình độ công nghiệp hóa thay đổi vô cùng chậm chạp. Thực tế quan hệ nhập siêu với lạm phát ở Việt Nam cho thấy càng nhập siêu thì tỷ lệ lạm phát càng cao hơn nhiều so với tác động cân đối cung cầu trên thị trường. Hiệu quả sản xuất thấp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm không giảm nhờ những máy móc thiết bị đã nhập khẩu là minh chứng cho việc nhập khẩu

máy móc thiết bị thời gian qua chưa phục vụ được mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Qua đó có thể khẳng định tác động nhập siêu đến lạm phát ở Việt Nam thuộc về hướng tác động thứ hai. Vì vậy, vấn đề đáng lo ở tình trạng nhập siêu của Việt Nam thời gian qua vừa ở số lượng nhập siêu gia tăng nhanh chóng, vừa ở chất lượng nhập khẩu, việc nhập khẩu chưa có tác động tốt cho nâng cao năng lực sản xuất ở thời gian sau; nhập siêu chưa được đổi bằng thành tựu của công nghiệp hóa.

Trong xu hướng nhập siêu chung, các mặt hàng thô hoặc mới sơ chế có mức xuất siêu, còn các mặt hàng chế biến hoặc đã tinh chế, trong đó có máy móc, phương tiện vận tải và phụ tùng thì lại nhập siêu. Chứng tỏ việc nhập khẩu những năm trước đây chưa tác động tích cực cho đổi mới công nghệ để tăng tỷ lệ sản phẩm chế biến và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa sản xuất trong nước. Kim ngạch xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước chủ yếu là khai thác các yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng, chưa đạt được yêu cầu tăng trưởng theo chiều sâu, do đó nhập siêu của Việt Nam đã tác động làm tăng lạm phát.

Theo những phân tích trên, định hướng hạn chế nhập siêu phải được thực hiện trong điều kiện một chính sách linh hoạt, không thô cứng như thời gian vừa qua, sao cho vẫn tạo động lực thúc đẩy sản xuất trong nước để tạo nguồn xuất khẩu trong

tương lai.

Nâng cao chất lượng nhập khẩu

- Về mặt hàng nhập khẩu:

Ngoài những số liệu thống kê đã cung cấp về cơ cấu hàng nhập khẩu thời gian qua, quan sát thị trường tiêu dùng trong nước, chúng ta còn thấy có quá nhiều mặt hàng trong nước sản xuất được, nhưng hàng nhập khẩu lại tràn ngập thị trường, như các mặt hàng nông sản; hoặc nhập khẩu nhiều hàng tiêu dùng cao cấp trong điều kiện nền kinh tế đang khó khăn; nhập khẩu hàng xi phẩm...

Chúng ta đã phân chia danh mục nhập khẩu thành 3 nhóm hàng: nhóm hàng cần thiết nhập khẩu (nhóm 1), nhóm cần kiểm soát nhập khẩu (nhóm 2), nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu. Cần rà soát để sắp xếp lại danh mục các mặt hàng nhập khẩu, trong nhóm 1 vẫn bao gồm nhiều mặt hàng trong nước đã sản xuất được, nên chuyển sang nhóm 2 và có chiến lược phát triển sản xuất những ngành này để thay thế hàng nhập khẩu, như: nguyên phụ liệu dệt may, thức ăn gia súc, phân bón, Clinke... Một số mặt hàng nhóm 2 gồm các mặt hàng lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng khác cần chuyển sang nhóm 3... Theo đó, đưa ra các biện pháp kiểm soát hợp lý, có lợi cho nền kinh tế và cho doanh nghiệp. Về cơ bản, chỉ cho phép nhập khẩu các loại hàng hóa trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu; Triệt để sử dụng

các rào cản thương mại cho phép trong khuôn khổ của WTO, hạn chế tối đa việc nhập khẩu những mặt hàng trong nước đã sản xuất được, đặc biệt là hàng tiêu dùng.

- Về thị trường nhập khẩu:

Năm 2007 có 22 thị trường Việt Nam nhập siêu tổng giá trị là 30 tỷ USD, trong đó: Châu Á - Thái Bình Dương có 11 nước (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, New Zealand, Lào) chiếm 91%; Châu Âu có 5 nước (Thụy Sĩ, Thụy Điển, Đan Mạch, LB Nga, Pháp) chiếm 3,68%; Châu Phi, Tây Á, Nam Á có 3 thị trường (Ấn Độ, Síp, Arap Xeut) chiếm 3,8%; Châu Mỹ có 2 thị trường (Braxil, Achentina) chiếm 1,5%. Trung Quốc là thị trường có giá trị nhập siêu lớn nhất của Việt Nam: 9,145 tỷ USD, chiếm 27,6% tổng giá trị nhập siêu. Có 12 mặt hàng đạt giá trị nhập khẩu trên 1 tỷ USD thuộc nhóm cần thiết nhập khẩu (nhóm 1) thì có 7 mặt hàng được nhập khẩu chủ yếu từ khu vực Châu Á - TBD, trong đó có máy móc thiết bị (6,7 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 60,8% tổng nhập khẩu cả nước). Nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Nhật bản, EU chủ yếu là máy móc thiết bị công nghệ nguồn và một số nguyên vật liệu phụ trợ, nhưng lượng nhập lại rất khiêm tốn và có xu hướng giảm. Nếu kéo dài tình trạng này thì khó có thể tăng trưởng xuất khẩu theo chiều sâu trong thời gian tới.

Cần chuyển nhập khẩu thiết bị từ các nước đang phát triển

sang các nước phát triển, tranh thủ tối đa công nghệ nguồn từ các nước phát triển như: EU, Mỹ, Nhật Bản; có như vậy mới đạt tới yêu cầu nhập khẩu phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

- Sử dụng các công cụ điều tiết nhập khẩu một cách khoa học và phù hợp với xu thế hội nhập.

Những nghịch lý trong việc sử dụng thuế nhập khẩu như thời gian qua, đã để lại hậu quả khá nặng nề trên nhiều góc độ khác nhau. Với lý do kim chế tốc độ tăng giá tiêu dùng trong nước, trước tết năm 2008, chúng ta chủ động giảm thuế nhập khẩu 20 mặt hàng trước thời hạn cam kết trong WTO; Như: thuế nhập khẩu cam kết với WTO đến năm 2012 đối với thịt trâu và bò là 14%, trong khi đó năm 2008 đã chủ động hạ xuống 12%; Đối với thịt lợn là 25%, năm 2008 đã hạ xuống là 20%... Kết quả của việc giảm thuế nhập khẩu đã vừa giảm thu cho ngân sách nhà nước, mà vẫn không giảm được giá tiêu dùng trong nước, thậm chí đem lại hậu quả khá nặng nề cho bà con nông dân trong nước vì nông sản trong nước không thể cạnh tranh với giá hàng nhập quá rẻ từ các nước lân cận, như: gà nhập khẩu từ Hàn Quốc 30 ngàn đồng/1 con, các loại thịt nhập khẩu đều có giá thấp hơn nhiều hàng cùng loại trong nước... đã tác động xấu đến sản xuất trong khu vực nông nghiệp trong nước, những tác động hoàn toàn vô lý trên mọi phương diện.

Một biện pháp kiểm soát hàng hóa nhập khẩu luôn được sự ủng hộ của WTO và không bị trả đũa từ phía đối phương là sử dụng công cụ “Tiêu chuẩn kỹ thuật”. Hiện nay các nước đang khai thác tối đa công cụ này, trong khi đó chúng ta chưa có điều kiện, do: hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, nguồn nhân lực còn thiếu... Ngày 21/11/2007 Quốc hội đã thông qua Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, có hiệu lực từ ngày 1/7/2008. Để có thể thực hiện được luật, chúng ta còn phải ban hành tiếp các tiêu chuẩn, các qui định kỹ thuật, qui định môi trường, an toàn vệ sinh,... Đầu tư cơ sở vật chất và quan tâm đào tạo nguồn nhân lực cần thiết cho việc kiểm tra tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu. Bên cạnh đó cũng cần tuyên truyền để nâng cao ý thức sử dụng hàng đảm bảo chất lượng cho người dân, tạo sức ép từ phía nhu cầu tiêu dùng.

Hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng tăng hàm lượng chất xám trong sản phẩm xuất khẩu

Số liệu thống kê cho thấy, trong những tháng cuối năm, xuất khẩu đang có dấu hiệu giảm về lượng, như than, gạo, cà phê, giấy dép... Nếu loại trừ yếu tố tăng giá, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu 8 tháng đầu năm chỉ là 21%, không phải là 39,1% như đã công bố.

Trong điều kiện khủng hoảng kinh tế ở các nước phát triển (Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản...) là thị trường xuất khẩu lớn của Việt

Nam, các chuyên gia kinh tế đang dự báo sẽ tác động xấu tới khả năng xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam vào các thị trường này; như xuất khẩu hàng dệt may vào Hoa Kỳ và EU chiếm 76%, hiện nay đang có xu hướng chững lại; ngành gỗ, ngành thủy sản có 3 thị trường chính là Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, hiện nay cũng đang có xu hướng suy giảm... Vì vậy, một mặt phải tìm kiếm đến các thị trường xuất khẩu mới; Mặt khác, các doanh nghiệp phải chú trọng chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và chuyển dần từ tăng trưởng xuất khẩu theo “lượng” sang tăng trưởng xuất khẩu theo “chất”, điều này lại liên quan mật thiết với chất lượng hàng hóa nhập khẩu như đã nói ở trên. Trong cơ cấu xuất khẩu hàng hóa biểu 1 cho thấy, đến năm 2006 xuất khẩu sản phẩm thô vẫn chiếm 43%, chứng tỏ tiến trình công nghiệp hóa vẫn còn chậm chạp, hàng xuất khẩu chưa có hàm lượng giá trị gia tăng cao; trong nhóm hàng công nghiệp chế biến xuất khẩu, chủ yếu vẫn là lắp ráp và gia công, có giá trị gia tăng thấp.

Cần tận dụng tối đa các điều kiện đã thỏa thuận khi gia nhập WTO “Việt Nam là nước đang phát triển ở trình độ thấp” để tăng cường hỗ trợ cho sản xuất trong nước. Thông qua các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ và qui trình quản lý để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí sản xuất và lưu thông, tìm đến các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, dần khẳng

định thương hiệu trên thị trường. Có cơ chế thúc đẩy nhanh chóng khai thác công nghệ hiện đại để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Phát triển nhanh các ngành công nghiệp phụ trợ nhằm giảm tình trạng sản xuất phụ thuộc quá nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Định hướng chiến lược về đầu tư hệ thống các ngành công nghiệp phụ trợ đã đề cập trong nhiều năm, nhưng việc triển khai còn chậm trễ và nhiều lúng túng.

Song song với việc tiếp tục củng cố các thị trường truyền thống quan trọng, như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN...; Đồng thời mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng, như Châu Phi, Tây Nam Á và Đông Âu. Chính sách ngoại thương của các thị trường này rất cởi mở, kiểm soát hàng hóa đơn giản, hầu như không đánh thuế, không quota, không áp đặt tiêu chuẩn kỹ thuật một cách nặng nề; Tuy nhiên, để thâm nhập vào thị trường này không hề đơn giản, cần có sự hỗ trợ của Chính phủ và Hiệp hội ngành hàng. Một số mặt hàng đã có vị thế cao trên thị trường thế giới, như: gạo, cà phê, thủy sản, may mặc, hạt tiêu... cần nhanh chóng có chiến lược tạo dựng thương hiệu có uy tín với thị trường thế giới.

Đổi mới đồng bộ từ cơ chế quản lý đến hệ thống các chính sách kinh tế vĩ mô

Nâng cao năng lực điều hành vĩ mô, tuyệt đối không lặp lại tình trạng điều hành cứng nhắc vừa gây thiệt hại cho doanh

nh nghiệp vừa giảm sút nguồn thu từ xuất khẩu, như: vấn đề thuế xuất khẩu chậm thay đổi đã bỏ qua cơ hội tăng thu của ngành thép, vấn đề hạn chế xuất khẩu gạo khi giá thế giới đang cao và trong nước đang được dự báo là được mùa cũng gây tổn thất không nhỏ cho doanh nghiệp và bà con nông dân. Vì vậy, nên trao quyền chủ động cho doanh nghiệp trong các quyết định kinh doanh. Nhà nước chỉ cần cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường và đối tác.

Nâng cao năng lực quản lý, cải cách thủ tục hành chính nhằm kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng chống các hành động gian lận thương mại, đảm bảo lợi ích quốc gia, nhưng vẫn tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và chủ động thực hiện chiến lược trên cơ sở dự đoán những biến động của thị trường thế giới.

Thông qua điều chỉnh các chính sách tiền tệ: hạ lãi suất, nới rộng biên độ giao động của tỷ giá hối đoái,... khi thị trường tiền tệ dần đi vào ổn định, nhằm giảm thiểu chi phí đầu vào và tăng khả năng cạnh của các sản phẩm sản xuất ngay trên thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài.

Kiểm soát đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng khuyến khích đầu tư công nghệ nguồn, tạo sản phẩm có hàm lượng tri thức cao; khuyến khích công nghệ sạch nhằm giảm thiểu ô

nhiễm môi trường, tạo năng lực thực cho nền kinh tế; Không chạy theo số lượng vốn đầu tư, đã đến lúc phải chú trọng chất lượng của các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Nhìn chung, cần phải có được cách nhìn toàn diện, đổi mới tư duy và quyết tâm cải tổ lại hệ thống các chính sách, hướng dẫn sang cơ chế kinh tế thị trường xã hội. Chuẩn bị đổi mới từ chính sách kinh tế vĩ mô đều phân tích tác động tích cực và tiêu cực, tác động ngắn hạn và dài hạn, đồng thời phải có những phản ứng nhanh với biến động của môi trường quốc tế nhằm hạn chế những tổn thất khi có những biến động xấu và khai thác những biến động có lợi. Thực hiện 8 biện pháp kim chế lạm phát, trong đó có biện pháp hạn chế nhập siêu cần được cân nhắc giữa mục tiêu trước mắt là kim chế lạm phát với mục tiêu dài hạn là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế./.